

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN QUANG

Số: 1095 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Quang, ngày 21 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân tự nguyện trả lại đất thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (Tuyến 2.1: từ tỉnh lộ 10 đi Đình (Câu Hạ A) đến ngõ bà Nghĩa (Câu Hạ B); Tuyến 3.2: Từ ngõ Yên (Câu Đông) đi cống ông Cơ đến ngõ ông Chàm (Cát Tiên) và Tuyến 3.4: Từ Quốc lộ 10 đi ngõ ông Đề) nay thuộc xã An Quang, thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ Nghị định số 102/2024 ngày 30/7/2024 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế nhà, nhà ở công trình xây dựng gắn liền với đất để làm căn cứ tính toán bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 07/4/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND thành phố về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025; Thông báo số 45/TB-UBND ngày 17/6/2022 của UBND thành phố;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã An Quang tại Tờ trình số 116/TTr-KT ngày 12/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án hỗ trợ tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân tự nguyện trả lại đất thực hiện Dự án Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông trên địa bàn xã Quang Trung thực hiện tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu xã Quang Trung, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (Tuyến 2.1: từ tỉnh lộ 10 đi Đình (Câu Hạ A) đến ngõ bà Nghĩa (Câu Hạ B); Tuyến 3.2: Từ ngõ Yên

(Cầu Đông) đi cổng ông Cơ đến ngõ ông Chàm (Cát Tiên) và Tuyến 3.4: Từ Quốc lộ 10 đi ngõ ông Đề) nay thuộc xã An Quang, thành phố Hải Phòng với tổng kinh phí hỗ trợ: **1.769.338.680 đồng, cụ thể:**

- Hỗ trợ cây trồng: 58.752.920 đồng
- Hỗ trợ vật kiến trúc: 1.675.892.845 đồng
- Chi phí hành chính (2%): 34.692.915 đồng

*** Tổng kinh phí hỗ trợ:** 1.769.338.680 đồng (*Một tỷ, bảy trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*).

* Phương án chi tiết hỗ trợ tài sản trên đất của các hộ gia đình, cá nhân tự nguyện trả lại đất của 45 hộ gia đình, cá nhân có đất, tài sản bị thu hồi thực hiện dự án (*có biểu chi tiết kèm theo*).

Điều 2. Các cơ quan có liên quan; Ban quản lý dự án khu vực An Lão; 45 hộ gia đình, cá nhân có tài sản nằm trên đất ở do các hộ gia đình cá nhân tự nguyện hiến đất; Phòng Kinh tế xã An Quang có trách nhiệm cụ thể sau:

1. Ban Quản lý dự án khu vực An Lão:

- Chịu trách nhiệm về số liệu, chủng loại, đơn giá và việc áp dụng chế độ chính sách hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định; Quản lý và lưu trữ hồ sơ hỗ trợ trình phê duyệt; Cung cấp các hồ sơ cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xác nhận tính pháp lý và các thông tin khác liên quan đến chính sách hỗ trợ;

- Phối hợp với UBND xã An Quang phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ tại trụ sở UBND xã An Quang và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

- Gửi phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Thực hiện việc hỗ trợ theo phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng thời giải quyết các kiến nghị, đề nghị liên quan đến việc tính toán, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

- Cùng với UBND xã An Quang quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa bàn giao đất theo quy định.

2. Trách nhiệm của hộ gia đình, cá nhân có tài sản nằm trên đất ở do các hộ gia đình cá nhân tự nguyện hiến đất:

- Chấp hành, nhận tiền hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất theo quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi nhận đủ tiền hỗ trợ theo quyết định đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định về UBND xã An Quang để chuyển Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý biến động theo quy định.

- Di chuyển tài sản và bàn giao mặt bằng theo thời gian Ban Quản lý dự án khu vực An Lão thông báo.

3. Phòng Kinh tế xã An Quang:

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật; Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND xã xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và Ban Quản lý dự án khu vực An Lão vận động, thuyết phục tạo sự đồng thuận trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mà người có đất thu hồi không đồng ý hoặc không phối hợp, tổ chức tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

- Thu và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai chỉnh lý theo quy định; cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai, hồ sơ địa chính lưu trữ tại địa phương theo quy định;

- Phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ban Quản lý dự án khu vực An Lão thực hiện việc chi trả tiền hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

- Quản lý đất đã được thu hồi trong khi chưa bàn giao đất theo quy định.

4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thi hành quyết định:

- Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm đăng Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của xã.

- Trung tâm Sự nghiệp công xã An Quang có trách nhiệm thông báo công khai Quyết định này trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các đơn vị: Kinh tế, Văn hóa - xã hội; Trung tâm sự nghiệp công; Ban Quản lý dự án khu vực An Lão; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phú Thọ

PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TỰ NGUYỆN TRẢ LẠI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUANG TRUNG THỰC HIỆN TIÊU CHÍ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU XÃ QUANG TRUNG, HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (TUYẾN 2.1: TỪ TỈNH LỘ 10 ĐI ĐÌNH (CÁU HẠ A) ĐẾN NGÕ BÀ NGHĨA (CÁU HẠ B); TUYẾN 3.2: TỪ NGÕ YÊN (CÁU ĐÔNG) ĐI CÔNG ÔNG CƠ ĐẾN NGÕ ÔNG CHÂM (CÁT TIỀN VÀ TUYẾN 3.4: TỪ QUỐC LỘ 10 ĐI NGÕ ÔNG ĐÊ) NAY THUỘC XÃ AN QUANG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1095 /QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã An Quang)

STT	Họ và tên	Diện tích hiện đất (m ²)	Tiền hỗ trợ trên đất ở		Tổng cộng	Ghi chú
			Cây trồng	Vật kiến trúc		
1	Đỗ Thị Chè	55,7	11.857.000	46.915.763	58.772.763	Tuyến 2.1
2	Nguyễn Văn Phinh	109,3	12.545.000	122.904.473	135.449.473	Tuyến 2.1
3	Nguyễn Văn Cường (Liên)	14,5	0	21.076.233	21.076.233	Tuyến 2.1
4	Bùi Thị Huệ	24,5	0	40.640.809	40.640.809	Tuyến 2.1
5	Bùi Đình Sim	27,8	0	32.019.046	32.019.046	Tuyến 2.1
6	Đỗ Văn Thắng	4,1	-	7.530.255	7.530.255	Tuyến 2.1
7	Bùi Thị Ninh	38,7	9.015.000	38.991.771	48.006.771	Tuyến 2.1
8	Nguyễn Văn Minh	17,9	2.956.200	27.195.489	30.151.689	Tuyến 2.1
9	Nguyễn Văn Chung	13,7	2.079.600	21.150.540	23.230.140	Tuyến 2.1
10	Trần Văn Quang	5,6	0	10.582.180	10.582.180	Tuyến 2.1
11	Bùi Thị Chinh, Bùi Thị Nhé, Bùi Đình Chung	15,4	0	61.556.091	61.556.091	Tuyến 2.1
12	Nguyễn Thị Sinh (Nguyễn Thị Xinh)	19,8	212.000	25.215.399	25.427.399	Tuyến 2.1
13	Dương Đức Việt	17,8	370.000	32.289.491	32.659.491	Tuyến 2.1
14	Dương Thị Lùng, Đỗ Văn Khanh, Đỗ Văn Cương	45,6	3.982.000	92.361.073	96.343.073	Tuyến 2.1

15	Tạ Xuân Trung (Tạ Xuân Trường)	11,5	-	25.544.210	25.544.210	Tuyển 2.1
16	Đỗ Văn Chính	68,2	2.366.000	82.760.206	85.126.206	Tuyển 2.1
17	Đỗ Văn Chính, Đỗ Văn Chuyên	47,7	579.000	72.441.577	73.020.577	Tuyển 2.1
18	Tạ Xuân Giang (Tạ Xuân Dương)	4,9	0	4.005.598	4.005.598	Tuyển 2.1
19	Trịnh Đức Quyền	7,5	0	10.236.980	10.236.980	Tuyển 2.1
20	Dương Đức Hùng	21,2	0	72.468.678	72.468.678	Tuyển 2.1
21	Tạ Xuân Trường	8,5	0	48.412.877	48.412.877	Tuyển 2.1
22	Đỗ Trung Bình (Đỗ Văn Trung)	9,5	-	29.331.493	29.331.493	Tuyển 2.1
23	Đỗ Văn Thuận	23,5	236.200	58.489.046	58.725.246	Tuyển 2.1
24	Đỗ Văn Đề (Đỗ Văn Đề)	47,4	349.320	55.111.737	55.461.057	Tuyển 3.4
25	Đỗ Thị Lân (Đỗ Văn Đề)	10,0	0	27.329.960	27.329.960	Tuyển 3.4
26	Vũ Văn Mẫn	35,8	801.600	144.237.576	145.039.176	Tuyển 3.4
27	Vũ Văn Đình (Đỗ Thị Toan)	7,3	560.000	39.451.177	40.011.177	Tuyển 3.4
28	Đỗ Văn Triệu	3,5	0	22.068.283	22.068.283	Tuyển 3.4
29	Vũ Văn Trật (Vũ Văn Ân)	6,7	0	16.092.142	16.092.142	Tuyển 3.4
30	Vũ Văn Thắng	12,1	3.940.600	22.059.414	26.000.014	Tuyển 3.4
31	Nguyễn Thị Vi	4,8	0	15.657.497	15.657.497	Tuyển 3.4
32	Nguyễn Văn Thành	4,1	0	25.193.856	25.193.856	Tuyển 3.2
33	Đỗ Thị Lân	5,1	0	17.629.796	17.629.796	Tuyển 3.2
34	Vũ Văn Hùng	1,4	-	11.902.943	11.902.943	Tuyển 3.2
35	Tạ Văn Hùng (Phạm Thị Mây)	2,2	0	17.260.831	17.260.831	Tuyển 3.2
36	Phạm Thị Mây	19,7	0	47.971.927	47.971.927	Tuyển 3.2

37	Hà Văn Chuyên + Hà Văn Cảnh	7,1	70.000	47.243.837	47.313.837	Tuyển 3.2
38	Nguyễn Đức Thịnh (Nguyễn Thị Chuốt)	7,9	6.833.400	38.190.192	45.023.592	Tuyển 3.2
39	Trịnh Thị Nhẽ	2,3	-	8.701.639	8.701.639	Tuyển 3.2
40	Tạ Văn Hiếu (Nguyễn Thị Hào)	6,5	0	9.225.605	9.225.605	Tuyển 3.2
41	Trần Văn Hải	8,4	-	12.444.662	12.444.662	Tuyển 3.2
42	Bùi Văn Khải	8,3	-	50.080.631	50.080.631	Tuyển 3.2
43	Nguyễn Văn Hưng	6,7	-	30.213.091	30.213.091	Tuyển 3.2
44	Nguyễn Văn Hữu	3,6	-	19.307.740	19.307.740	Tuyển 3.2
45	Nguyễn Văn Hòa	0,6	-	14.399.031	14.399.031	Tuyển 3.2
Tổng cộng hỗ trợ		824,4	58.752.920	1.675.892.845	1.734.645.765	
Kinh phí hành chính (2%)					34.692.915	
Kinh phí GPMB					1.769.338.680	